

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 106/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2024.

V/v tranh chấp Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Trung Nghĩa;
2. Ông Triệu Lát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Hồng N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Út H (tên gọi khác Phạm Văn H), sinh năm 1972.

Địa chỉ: khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 11/11/2024 nguyên đơn là bà Đỗ Hồng N trình bày:

Bà Đỗ Hồng N và ông Phạm Út H sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2009 tại UBND phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì bà Đỗ Hồng N và

ông Phạm Út H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, tính cách, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Trong thời gian chung sống, bà Đỗ Hồng N và ông Phạm Út H có 01 con chung là Phạm Văn T (giới tính: nam), sinh ngày 27/6/2001.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành nên bà Đỗ Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Út H (tên gọi khác Phạm Văn H).

- Về con chung: Phạm Văn T (giới tính: nam), sinh ngày 27/6/2001 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2024.

Đối với bị đơn ông Phạm Út H: Trong quá trình giải quyết vụ án ông không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Hồng N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Út H vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H nhưng ông H không có ý kiến gì nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông H theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông H có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2009, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn gay gắt nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Ông H biết việc bà N khởi kiện nhưng ông không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bồi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử

chấp nhận.

[3] Về con chung:

Theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Phạm Văn T (giới tính: nam), sinh ngày 27/6/2001. Hiện nay con chung của bà N và ông H đã trên 18 tuổi. Đồng thời, bà N không có yêu cầu giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Hồng N ly hôn ông Phạm Út H (tên gọi khác Phạm Văn H).

[2] Về con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Phạm Văn T (giới tính: nam), sinh ngày 27/6/2001. Hiện nay con chung của bà N và ông H đã trên 18 tuổi. Đồng thời, bà N không có yêu cầu giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Do bà Đỗ Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Do bà Đỗ Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Đỗ Hồng N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004990 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu không nộp thêm. Ông Phạm Út H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Nời được thi hành án dân sự, Nời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- UBND phường K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình